

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HOA HƯỚNG DƯƠNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HOA HƯỚNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUNFLOWER CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUNFLOWER CT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109366108

3. Ngày thành lập: 05/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

14-TT 4.2, Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
2.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
4.	Sản xuất điện	3511
5.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện	3512
6.	Xây dựng nhà để ở	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102
8.	Xây dựng công trình điện	4221
9.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
10.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
11.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa.	4610(Chính)
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
32.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
39.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
40.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
42.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
44.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
45.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
46.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
47.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
48.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

49.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
50.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
51.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
52.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
53.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
54.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
55.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
56.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
61.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải hàng không)	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Cơ sở lưu trú khác	5590
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
75.	Lập trình máy vi tính	6201
76.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
77.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
78.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
79.	Cổng thông tin	6312

80.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Tư vấn bất động sản; - Quản lý bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản.	6820
81.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)	7020
82.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Tư vấn lập dự án đầu tư; - Tư vấn quản lý dự án; - Giám sát thi công xây dựng;	7110
83.	Quảng cáo	7310
84.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
85.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
86.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
87.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
88.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
89.	Dịch vụ đóng gói	8292
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN THANH XUÂN	P205Z1, TT BTL Thông tin, Tổ 1, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	80,000	010188000038	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	80,000		
2	ĐOÀN VĂN THANH	Tổ 7, Phường Sa Pa, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	063369559	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

3	ĐOÀN THANH HƯƠNG	Tổ 11, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	063355557	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN THANH XUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010188000038

Ngày cấp: 14/06/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P205Z1, TT BTL Thông tin, Tổ 1, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P205Z1, TT BTL Thông tin, Tổ 1, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội